TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 13- 3 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N , TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Đỗ Văn Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Thành**

Bà **Phan Thị Ngọc Loan**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Lệ Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N , tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: **Bà Phạm Thị Thủy Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 15/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 2 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Ngọc T (Tôm), sinh năm 1989, tại Bình Phước; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Thạnh Trung, xã Lộc T, huyện N, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 7/12; Cha: Nguyễn Ngọc T1 (Đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1966; Vợ: Phạm Thị Thu Th, sinh năm 1992; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Ngày 16/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" Bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù. Tiền sự: Không; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 15/11/2018 đến nay.

2/ Nguyễn Hoài B; Giới tính: Nam; sinh năm: 1992, tại Bình Phước; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp 5A, xã Lộc T, huyện N, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Cha: Nguyễn Hoài V (Đã chết); Mẹ: Đỗ Thị L, sinh năm 1969; Bị cáo có 02

người em, lớn nhất sinh năm: 1994, nhỏ nhất sinh năm: 2004; Vợ: Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1994; Con: Nguyễn Hoài Bảo A, sinh năm: 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 15/11/2018 đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa

*** Bị hại:**

Trương Minh C, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp 11B, xã Lộc T , huyện N , tỉnh Bình Phước

Có mặt tại phiên tòa

* **Người có quyền lợi liên quan:**

1/ Phạm Thị Thu Th, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã Lộc Th, huyện N , tỉnh Bình Phước

Có mặt tại phiên tòa

2/ Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp Hiệp Tâm A, xã Lộc H, huyện N , tỉnh Bình Phước

Có mặt tại phiên tòa

*** Người làm chứng**

1/ Nguyễn D (Tư), sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp Bù Núi B, xã Lộc T, huyện N , tỉnh Bình Phước.

Vắng mặt tại phiên tòa

2/ Võ Minh K (Tý lầy), sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp 6, xã Lộc T, huyện N , tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 14/11/2018, Nguyễn Ngọc T đi từ nhà ra quán cà phê của bạn tại ấp 5A, xã Lộc T, tại đây T gặp Võ Kim K, Nguyễn D và Nguyễn Hoài B. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T rủ B, K và Dđi đến khu vực Đồn Tà Nốt để lấy gỗ về sử dụng, B, K và D đồng ý. Khi đi B mang theo 01 thanh kim loại dài 60cm, một đầu dẹp, một đầu hình chữ "V" bằng sắt (xà beng) lấy từ nhà, T sử dụng xe mô tô Wave (không xác định được biển số) chở K còn D điều khiển xe mô tô Dream không biển số, số khung: 0103300, số máy: 1542300 chở B. Khi đến ngôi nhà gỗ của ông Trương

Minh C tại ấp Vườn Bưởi, xã Lộc T, huyện N, T chạy xe trước dẫn đường đi vào đường đất sỏi, dừng xe ở ngoài đường cách phía sau nhà ông C 15m. T nói với K và D ở ngoài chờ rồi cùng B cầm xà beng đi bộ ra phía trước căn nhà. Khi T nói B dùng xà beng để cạy cửa thì B biết T muốn lấy trộm cửa gỗ nhà ông C, B đồng ý và cùng T dùng xà beng đem theo cạy 02 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (227 x 83 x 3)cm (cửa chính của nhà ông C) và 02 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (120 x 46 x 3)cm (cửa sổ nhà ông C). Sau khi cạy được 04 cánh cửa gỗ xuống, T và B đi ra chỗ để xe rồi cùng với K và D chạy xe ra phía trước nhà ông C. T nói K phụ đưa 01 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (227 x 83 x 3)cm lên xe mô tô Wave (không xác định được biển số), rồi chở K chạy về trước, còn B và D đưa 01 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (227 x 83 x 3)cm và 02 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (120 x 46 x 3)cm lên xe mô tô Dream, không biển số của D chạy phía sau. Khi D chở B đến khu vực ấp 11A, xã Lộc T thì bị anh C phát hiện báo Công an xã Lộc T phối hợp với Công an TT.N kiểm tra hành chính và thu giữ vật chứng sau: 01 thanh kim loại dài 60cm, một đầu dẹp, một đầu hình chữ "V" bằng sắt (xà beng); 01 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (227 x 83 x 3)cm và 02 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (120 x 46 x 3)cm; 01 xe mô tô Dream không biển số, có số khung: 0103300, số máy: 1542300; thu giữ của B: 01 ĐTDĐ màu xanh (Bút lục: 01 – 02; 52 – 57; 66 – 69; 73 – 74).

Quá trình làm việc với D và B, anh Trương Minh C có nói D điện thoại cho T và K trả lại tài sản nên T nhờ Cu N (chưa xác định nhân thân, lai lịch) chở cửa gỗ lớn đến trả cho anh C. Anh C đã giao nộp lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện N : 01 cánh cửa gỗ kích thước (227 x 83 x 3) cm.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 07/11/2018/KL – HĐĐGTS ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 02 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (227 x 83 x 3) cm và 02 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (120 x 46 x 3)cm đã qua sử dụng trị giá là: 11.936.400 đồng (Bút lục: 46)

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKSLN, ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Hoài B đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 56 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Ngọc T từ 18 đến 21 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung 02 bản án tù chung từ 36 đến 39 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hoài B từ 15 đến 18 tháng tù.

Quá trình điều tra xác định: 02 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (227 x 83 x 3) cm và 02 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (120 x 46 x 3)cm là tài sản của anh Trương Minh C nên cơ quan CSĐT Công an huyện N đã xử lý vật chứng trả lại cho anh C;

Đối với 01 xe mô tô Dream không biển số, có số khung: 0103300, số máy: 1542300 thu giữ của Nguyễn D, hiện D đã bỏ đi khỏi địa phương chưa làm việc được nên không có cơ sở xử lý, cơ quan CSĐT Công an huyện N tách ra để xác minh xử lý sau; 01 thanh kim loại dài 60cm, một đầu dẹp, một đầu hình chữ "V" bằng sắt (xà beng) thu giữ của Nguyễn Hoài B là công cụ sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; Riêng 01 ĐTDĐ màu xanh thu giữ của B không liên quan đến vụ án nên trả lại cho B. Gia đình bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Hoài B đã bồi thường cho bị hại: 4.000.000 đồng. Anh C không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với Nguyễn D và Võ Kim K có hành vi phụ giúp Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Hoài B nhưng D và K không biết T và B lấy trộm tài sản nên không có căn cứ xử lý. Riêng hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của D và K, cơ quan CSĐT Công an huyện N đã có Công văn đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã.

Đối với 01 xe mô tô Nguyễn Ngọc T dùng làm phương tiện phạm tội, T mượn của dì ruột là bà Trần Thị Thanh H, sau khi lấy trộm T đem trả để bên hông nhà bà H. Hiện tại xe mô tô trên đã bị mất không thu hồi được. Bà Hkhông có yêu cầu bồi thường nên không xử lý.

Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Ngọc T , Nguyễn Hoài B, Nguyễn D và Võ Kim K hiện chưa xác định được tên, tuổi địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý, Cơ quan CSĐT Công an huyện N tách ra để xử lý sau.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà xét xử công khai hôm nay, các bị cáo đã hoàn toàn thú nhận hành vi phạm tội của mình gây ra, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để khẳng định: Vào ngày 14/11/2018, tại ấp Vườn Bưởi, xã Lộc T , huyện N, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Hoài B đã có hành vi lén lút lấy trộm của anh Trương Minh C: 02 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (227 x 83 x 3)cm và 02 cánh cửa gỗ da đá có kích thước (120 x 46 x 3)cm trị giá 11.936.400 đồng. Hành vi của các bị cáo là liều lĩnh, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến trật tự xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của cá nhân được luật pháp B vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, có giai đoạn chuẩn bị phạm tội rõ ràng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị. Song do lười biếng lao động, không lo tu chí làm ăn, muốn có tiền sử dụng mà không phải lao động nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Trong đó, Nguyễn Ngọc T là người khởi xướng và thực hành việc lấy trộm, còn B chuẩn bị công cụ và cùng T lấy trộm tài sản.

Bản thân bị cáo T là đối tượng nghiện ma túy, ngày 16/8/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 16/8/2018, bị cáo đang chờ đi thi hành án thì lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này xác định bị cáo tái phạm là tình tiết tăng nặng qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, và cần áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về việc tổng hợp hợp hình phạt của nhiều bản án.

Đối với bị cáo B có nhân thân xấu, ngày 08/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện N , tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội: "Cố ý gây thương tích" tại bản án 42/2012/HSST ngày 08/6/2012, đã được xoá án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân thì ngày 14/11/2018 lại tiếp tục cùng với T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cần được xem xét khi lượng hình.

Hành vi của các bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần xử phạt thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra và cần cách ly các bị

cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có đủ điều kiện răn đe, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và để phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên toà bị cáo T và B thành khẩn khai báo, tài sản thu hồi đầy đủ giao trả lại cho bị hại, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn bãi nại cho các bị cáo, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là những tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh C đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đề cập đến. Chị T, chị Th là người bồi thường thay các bị cáo, tại phiên toà chị T, chị Th không có yêu cầu gì.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô Dream không biển số, có số khung: 0103300, số máy: 1542300 thu giữ của Nguyễn D, hiện D đã bỏ đi khỏi địa phương chưa làm việc được nên không có cơ sở xử lý, cơ quan CSĐT Công an huyện N tách ra để xác minh xử lý sau là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 thanh kim loại dài 60cm, một đầu dẹp, một đầu hình chữ "V" bằng sắt (xà beng) thu giữ của Nguyễn Hoài B là công cụ sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

Riêng 01 ĐTDĐ màu xanh thu giữ của B không liên quan đến vụ án nên trả lại cho B.

Đối với Nguyễn D và Võ Kim K có hành vi phụ giúp Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Hoài B nhưng D và K không biết T và B lấy trộm tài sản nên không có căn cứ xử lý. Riêng hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của D và K, cơ quan CSĐT Công an huyện N đã có Công văn đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô Nguyễn Ngọc T dùng làm phương tiện phạm tội, T mượn của dì ruột là bà Trần Thị Thanh H, sau khi lấy trộm T đem trả để bên hông nhà bà H. Hiện tại xe mô tô trên đã bị mất không thu hồi được. Bà H không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hoài B, Nguyễn D và Võ Kim K hiện chưa xác định được tên, tuổi địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý, Công an đã tách ra để xử lý sau là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1) Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Hoài B phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Ngọc T **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt bản án số 36/2018/HS-ST ngày 16/8/2018 là 18 tháng tù với bản án này là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **03 (ba)** năm tù. Thời hạn tính từ ngày bắt giam bị cáo 15/11/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hoài B **01** (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo là ngày 15/11/2018.

2) Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại dài 60cm, một đầu dẹp, một đầu hình chữ "V" bằng sắt (xà beng) không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoài B 01 điện thoại di động Hphone màu xanh

Số tang vật trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bình Phước đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0006596 ngày 05/3/2018.

3) Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú lên Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện N
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan
- Chi cục THADS huyện N
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- CA huyện N
- CA tỉnh Bình Phước
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hùng